

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 24-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Viên;

Ông Vũ Đình Bảng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03 tháng 9 năm 1965 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị Q, sinh năm 1968 và 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 17/12/2017 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt;

2. Phan Văn T, sinh ngày 03 tháng 8 năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N (đã chết) và bà Phan Thị L, sinh năm 1965; có vợ là Hoàng Thị Đ, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 17/12/2017 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt;

3. Vũ Văn L, sinh ngày 26/6/1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn

hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1950; có vợ là Lương Thị H, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 17/12/2017 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt;

4. Phan Trung H, sinh ngày 24/01/1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Mạnh H, sinh năm 1952 và bà Vũ Thị V, sinh năm 1957; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1986 và 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 17/12/2017 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt;

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn C, vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/12/2017, Phan Văn T, Vũ Văn L và Phan Trung H đến nhà Nguyễn Văn Đ chơi. Khoảng 21 giờ cùng ngày, 04 người rủ nhau đánh chắn được thua bằng tiền, dụng cụ để đánh chắn là bộ bài chắn gồm 100 lá bài và 01 chiếc đĩa bằng sứ có sẵn ở nhà Đ. Khi chơi những người chơi quy ước như sau: Bộ bài chắn được chia thành 05 phần, mỗi phần gồm 19 lá bài, 05 lá bài còn thừa cho vào một phần bất kỳ sau đó để vào đĩa sứ, một trong bốn người chơi hoặc người “ù” rút bất kỳ một lá bài trên đĩa cho vào một trong bốn phần còn lại, rồi lật một lá bài tùy ý để xác định người được đánh lá bài đầu tiên và những người chơi thỏa thuận, nếu ai ù xuống thì những người còn lại phải trả 10.000 đồng, nếu ù có “cước sắc” (tôm, lèo...) thì được cộng thêm số tiền cước từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, nếu ù chi, bạch định, tám đỏ thì mỗi người chơi phải trả cho người ù là 60.000 đồng. Đ, T, L và H đánh chắn đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Tiên Lãng phát hiện bắt quả tang, thu giữ một bộ bài chắn gồm 100 lá bài, 01 đĩa sứ và số tiền 11.633.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Nguyễn Văn Đ, Phan Văn T, Vũ Văn L và Phan Trung H đều khai nhận hành vi đánh chắn được thua bằng tiền như nêu trên. Cụ thể: Đ khai trước khi đánh chắn có 3.200.000 đồng để đánh chắn, khi đánh, thắng 240.000 đồng; T khai nhận trước khi đánh chắn có 3.850.000 đồng dùng để đánh và bị thua 50.000 đồng; L khai trước khi đánh chắn có 2.633.000 đồng, trong đó sử dụng 2.630.000 đồng để đánh, vì 3.000 đồng không đủ số tiền tối thiểu theo quy ước để trả cho người khác ù, khi đánh bị thua 460.000 đồng; H khai trước khi đánh chắn có 1.950.000 đồng để đánh và thắng 270.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng ông Nguyễn Văn C khai: Khoảng 21 giờ ngày 11/12/2017, ông C đến nhà Nguyễn Văn Đ ở thôn H, xã C chơi và thấy 04 người đánh bạc dưới hình thức đánh chắn tại gian giữa của nhà Đ, gồm: Đ, Vũ Văn L, Phan Trung H và Phan Văn T đều ở thôn H, xã C. Những người này đánh

chấn đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Tiên Lãng bắt quả tang; vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm 6.610.000 đồng, 01 bộ bài chấn và 01 đĩa sù.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 02/3/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Văn Đ, Phan Văn T, Vũ Văn L và Phan Trung H về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên khẳng định: Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 02/03/2018 truy tố Nguyễn Văn Đ, Phan Văn T, Vũ Văn L và Phan Trung H về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 17, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo; áp dụng Điều 65 đối với các bị cáo Đ, T; áp dụng Điều 36 đối với các bị cáo L, H; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo T, L và H. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Văn T, Vũ Văn L và Phan Trung H đồng phạm tội Đánh bạc và xử phạt: Đ từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt các bị cáo L và H mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung và các biện pháp tư pháp: Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Lương, Hưng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lãng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Về nội dung:

[2] Về tội danh và hình phạt: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Văn T, Vũ Văn L và Phan Trung H phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội

quả tang và vật chứng thu được. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi ngày 11/12/2017 của Nguyễn Văn Đ, Phan Văn T, Vũ Văn L và Phan Trung H cùng nhau đánh chặn được thua bằng tiền với số tiền dùng để đánh chặn là 11.630.000 đồng đã đồng phạm tội Đánh bạc, vi phạm khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Nay Bộ luật này đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, quy định về tội Đánh bạc tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 có lợi hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về hướng dẫn thi hành BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 7 của Bộ luật này, cần áp dụng khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 để xét xử đối với các bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm mới đảm bảo giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo: Mặc dù, vụ án có nhiều đồng phạm nhưng không có sự bàn bạc, phân công, câu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, Nguyễn Văn Đ là người giữ vai trò tích cực nhất, bởi lẽ Đ đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, chuẩn bị công cụ để đánh bạc, trực tiếp tham gia đánh bạc và sử dụng số tiền để đánh bạc lớn thứ 2 chỉ sau bị cáo Phan Văn T; tiếp đến là các bị cáo T, Vũ Văn L, Phan Văn H đều là những người trực tiếp đánh bạc, trong đó, T sử dụng số tiền cao nhất để đánh bạc, rồi đến L và H. Do đó, Đ phải chịu hình phạt cao nhất, sau đó đến Thắng, còn L và H phải chịu hình phạt ngang nhau.

[5] Xét về nhân thân: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo T có bà nội, bị cáo L có bố đẻ và ông nội, bị cáo H có bố vợ là người có công với nước nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Hội đồng xét xử cho rằng, các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly mà cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đảm bảo mục đích của hình phạt. Tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án, để cá thể hóa trách nhiệm hình sự, cần áp dụng Điều 65 đối với các bị cáo Đ và T, áp dụng Điều 36 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo L và H. Thời gian các bị cáo H, L bị tạm giữ được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 cũng như khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đều quy định:

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền (bổ sung). Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều làm ruộng, có thu nhập thấp, điều kiện kinh tế khó khăn (đã được UBND xã C xác nhận) nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về các biện pháp tư pháp: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì các bị cáo H, L bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20%. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo này có thu nhập thấp, điều kiện kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho L và H.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ 11.633.000 đồng, 01 đĩa sứ và 01 bộ bài chắn gồm 100 lá bài. Số tiền 11.633.000 đồng, trong đó các bị cáo đã sử dụng 11.630.000 đồng để đánh bạc, còn 3.000 đồng của bị cáo L không sử dụng để đánh bạc nhưng L vẫn đề nghị sung quỹ nhà nước. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền trên. Đối với 01 đĩa sứ và bộ bài chắn là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 6 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999; khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 17, Điều 36, khoản 1 Điều 47; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 260 BLTTHS năm 2015; Điều 6 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Văn T, Vũ Văn L và Phan Trung H đồng phạm tội Đánh bạc.

2. Xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Phan Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Nguyễn Văn Đ và Phan Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án tù cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc chấp hành

hình phạt tù cho hưởng án treo được thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Vũ Văn L 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho Lương 06 ngày bị tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. L còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

- Phan Trung H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho Hưng 06 ngày bị tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. H còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao Vũ Văn L và Phan Trung H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục.

3. Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 11.633.000 (mười một triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn) đồng, đã được chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) đĩa sừ và 01 (một) bộ bài chặn gồm 100 lá bài, có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Văn T, Vũ Văn L và Phan Trung H mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Văn T, Vũ Văn L và Phan Trung H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Lãng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Chi